

THƠ PHAN KHÔI

潘瓌



Chân dung Phan Khôi (1887-1959)

Phan Khôi 潘瓌 (6/10/1887 - 16/1/1959) hiệu Chương Dân, Tú Sơn, là học giả, nhà thơ, nhà văn, nhà báo, nhà lý luận và phê bình văn học, sinh tại Điện Bàn, Quảng Nam. Ông là cháu ngoại Tổng đốc Hà Nội Hoàng Diệu, học chữ Hán nhưng cổ vũ và mở đầu cho phong trào Thơ mới. Ông học Hán văn từ nhỏ, đỗ tú tài năm 19 tuổi. Năm 1907, ông ra Hà Nội, tham gia phong trào Đông Kinh nghĩa thực và làm việc cho tạp chí *Đăng cổ tùng báo*. Khi tờ tạp chí bị cấm, ông về Nam Định rồi Hải Phòng ẩn náu. Ít lâu sau ông lên về Quảng Nam hoạt động trong phong trào Văn Thân cùng Huỳnh Thúc Kháng. Sau Trung Kỳ dân biến, ông bị bắt và giam tại nhà tù Quảng Nam đến năm 1914 thì được ân xá.

Ra tù, ông lại về Hà Nội viết bài cho báo *Nam phong*, nhưng sau đó bất bình với Phạm Quỳnh nên bỏ vào Sài Gòn viết cho *Lục tỉnh tân văn*. Năm 1920, ông lại ra Hà Nội viết cho *Thực nghiệp dân báo*, *Hữu thanh*. Năm 1928, hai báo trên bị đóng cửa, ông trở vào Nam viết cho báo *Thần chung* và *Phụ nữ tân văn*. Năm 1931, ông ra Hà Nội viết cho *Phụ nữ thời*

đàm. Năm 1936, ông vào Huế viết cho báo *Tràng An*, và mở báo *Sông Hương*. Năm 1939, báo *Sông Hương* đóng cửa, ông vào Sài Gòn dạy chữ Nho và viết sách. Ông là một nhà báo tài năng, tích cực áp dụng tư tưởng duy lý phương Tây, phê phán một cách hài hước thói hư tật xấu của quan lại phong kiến và thực dân Pháp. Ông cũng là một trong số ít nhà báo tiếp thu nhiều tư tưởng mới, đa văn hoá từ Hồng Kông, Trung Quốc, Nhật Bản, Pháp... Ông còn nổi tiếng vì sự trực ngôn, trước 1945 được mang danh là Ngự sử văn đàn. Ông phê phán chính sách cai trị của người Pháp một cách sát sườn, đối thoại với các học giả từ Bắc đến Nam không e dè kiêng nể.

Sau năm 1945, ông được Chủ tịch Hồ Chí Minh mời từ Quảng Nam ra Hà Nội tham gia kháng chiến với cương vị một nhà văn hoá, sau lại lãnh chức vụ chủ nhiệm Chi bộ Quảng Ngãi của Việt Nam Quốc dân đảng. Ông ở Việt Bắc suốt 9 năm nhưng vì bị bệnh nên phải vào bệnh viện một thời gian. Cuối năm 1954, hoà bình lập lại, Phan Khôi về Hà Nội cùng với các văn nghệ sĩ khác. Trong thời gian 1956-1957, ông là một trong những người thành lập tờ *Nhân văn* và có các bài phê phán giới lãnh đạo văn nghệ lúc bấy giờ, bị buộc phải ngừng sáng tác, được ít lâu thì ông qua đời tại Hà Nội. Ban đầu, ông được an táng tại nghĩa trang Hợp Thiện ở phường Vĩnh Tuy. Năm 1964, vợ con ông phải sơ tán khỏi Hà Nội khi giặc Mỹ ném bom miền Bắc. Trong thời gian này, thành phố di dời nghĩa trang lên Sơn Tây để xây Nhà máy dệt Minh Khai nhưng gia đình ông không được thông báo.

Tác phẩm tiêu biểu:

- *Trở vỏ lừa ra* (1939)
- *Chương Dân thi thoại* (1936)
- *Việt ngữ nghiên cứu* (1955)
- *Tình già* (1932)...

MỤC LỤC THƠ

1. Bảy mươi tự thộ
2. Cái chết của con nhà nghèo
3. Cảm đề khi đọc bản dịch “Thủy hử” của Á Nam Trần Tuấn Khải
4. Chơi thuyền sông Tân Bình
5. Dân quạ đình công

6. Hải Phố ngục trung dữ Mính Viên lưu biệt kỳ 1
7. Hải Phố ngục trung dữ Mính Viên lưu biệt kỳ 2
8. Hải Phố ngục trung dữ Mính Viên lưu biệt kỳ 3
9. Hải Phố ngục trung dữ Mính Viên lưu biệt kỳ 4
10. Hồng Gai
11. Hớt tóc
12. Một mình đêm giao thừa
13. Nắng chiều
14. Thơ Phan Khôi
15. Tình già
16. Viếng mộ ông Lê Chất
17. Xuân Ấng tức cảnh kỳ 1
18. Xuân Ấng tức cảnh kỳ 2

BẢY MƯƠI TỰ THỌ

Lên bảy mươi rồi mẹ nó ơi,
Thọ ta ta chúc nở phiền ai.
Đầy đàn con cháu năm mâm chẵn,
Kể tuổi văn chương bốn chục ngoài.
Khờ khạo một mình khua trống bỏi,
Ngại ngừng lắm lúc sợ thân voi.
Sống thêm cho kẻ ưa mời chén,
Cho kẻ không ưa mắt cứ gai.

Bài thơ này được Phan Khôi làm khi thượng thọ 70 tuổi, tức tháng 10-1957, là thời gian ông bị quy kết chủ trương phòng trào Nhân văn - Giai phẩm, chỉ quanh quẩn ở nhà với vợ con và giới văn nghệ cũng ít người qua lại. Bài thơ của ông tuy không được đăng báo, nhưng cũng lưu truyền ra ngoài và nhà văn Nguyễn Công Hoan đã họa bài thơ này bằng một bài đăng trên báo thời đó:

Nhấn gửi Phan Khôi khốn khiếp kia,
Thọ mi, mi chúc chớ hồng ai.
Văn chương! Đù mẹ thẳng cha bạc,
Tiết tháo! Tiên sư cái mẽ ngoài.
Lô gíc, trước cam làm kiếp chó,
Nhân văn, nay lại hít gì voi?

Sống dai thêm tuổi cho thêm nhục,
Thêm nhục cơm trời chẳng thấy gai?

Bài thơ được con trai của tác giả là Phan Nam Sinh cung cấp và nhà văn Uông Triều dẫn, tháng 6-2020.

CÁI CHẾT CỦA CON NHÀ NGHÈO

Con bé thở cá nằm trên giường,
Mắt sâu da bợt còn **nhảm** xương;
Mẹ nó dệt thuê nhà ông bá,
Cha nó đi làm xâu đắp đường.

Trời đâu dong ruỗi cha nó về,
Nhìn con đau ruột khoanh tay ngồi tĩ tê:
"Con ôi! chết đau cũng còn có phương cứu,
Chết đói thôi thì cha phải chịu;
Làm ra chẳng đủ để nuôi con,
Thà cha cùng chết khỏi mang xấu!

Mẹ nó hôm nay chùng có gạo,
Đi về lật đật xỏ bọc áo.
Thấy chồng mừng quýu thấy con thương.

Chạy ngay vô bếp nấu đĩa cháo,
"Hồi con trống bụng đã ba ngày.
Hôm nay có gạo có cha đây;
Rán ăn với cha với mẹ một xỉ cháo.
Trước khi chết được no là may!"

Mẹ nó nói thì nói,
Nó chết là hết đói.
Đập tay một cái kêu "mẹ ơi!"
Trợn ngược mắt lên liền tắt hơi.

Mẹ nó vật mình xuống lăn lóc,
Túm lấy cha nó mà kêu khóc.
"Anh ơi anh khá để tôi ra,
Gẫm lại thân tôi quá cực nhọc.

Với anh mười năm ba đứa con.
Đứa nào cũng chết một kiếp như nhau luôn!
Tôi không có sức sanh đẻ nữa,
Thà cho tôi về tôi chịu son!”

Vừa ưa ông cố đến an ủi,
Biểu đừng khóc nữa cũng đừng tủi:
“Trẻ con chết hẳn lên thiên đàng,
Vì nó trong sạch chưa phạm tội”.

Kẻ làm thơ này vốn vô can,
Nghe ông cố nói cũng pha ngang:
Hỏi ông sao chẳng chết đói bằng tuổi nó
Để ông sớm được lên thiên đàng?

Nguồn: *Đông Pháp thời báo*, Sài Gòn, số 746, ngày 21-7-1928

CẢM ĐỀ KHI ĐỌC “THỦY HỮ” CỦA NAM Á TRẦN TUẤN KHẢI

Đời loạn vua hèn quan giết dân,
Ông thần pháp luật đứng bằng chân.
Trời sinh theo sắt tuôn ra máu,
Đổ lại trên đầu lũ bất nhân.

Trăm tám người linh, một vẻ hào.
Nằm trên rượu thịt gối thương đao.
Xưa nay nổi việc phường này cả,
Tú Sĩ Vương Luân có kẻ nào?

Khăn áo hương hoa lạy Võ Tòng
Giết người như bác mới anh hùng:
Một đêm đi đứt mười lăm mạng,
Hàng máu trên tường nhỏ giọt hồng!

Võ nghệ tuy thường, lượng khác thường,
Gần xa suy phục Hắc Tam Lang.
Cho hay trong cuộc phong vân đó,

Ai lượng hơn người, ấy chủ trương.

Này vùng Lương Sơn nay ở đâu?
Xa trông che khuất mấy ngàn lau!
Hát anh bài hát sau bìa sách,
Cảm khái riêng ta với Á Đầu...

Nguồn: Nguyễn Tấn Long, Nguyễn Hữu Trọng, *Việt Nam thi nhân tiền chiến*, quyển thượng, NXB Sống Mới, 1968

CHƠI THUYỀN SÔNG TÂN BÌNH

Eo đất vắt rừng già ra nước,
Thành con sông xanh biếc, dài ghê;
Khí ho cò gáy tư bề,
Ta đem thân đến chốn này làm chi?
Nhớ từ trẻ gian nguy từng trải,
Bước giang hồ bước mãi chưa thôi;
Mảnh thân còn chọi với đời,
Hiếm nghèo là bạn, bơi vơi là nhà!
Cảnh hiu quạnh có ta có chủ;
Bằng không ta, chẳng phụ hoá công.
Vẽ ra cái cảnh lạ lùng,
Làm cho cộp biển, cá đồng hay sao?
Xuồng ba lá đầu nào chàng Thổ,
Rượu đế mang theo mỗ lưng bầu.
Mũi chàng trước, lái ta sau,
Mái chèo khoan nhặt, con trào ngược xuôi.
Bóng chiều nhuộm lan mùi vàng úa,
Khói nước chen mây bủa lưng chừng,
Vạch lau rẽ khói tung tăng,
Trên trời, dưới nước, bên rừng, giữa ta!
Lổ túp lá sà sà trong ngút,
Chợt thuyền con vùn vụt ngang giòng;
Nguồn Đào có phải đây không?
Vũng Lương Sơn phượng phát cùng là đây!
Vùng ác lặn, lùm cây đen sạm,

Vào càng sâu càng lăm về u:
Rặng dừa lướt gió vu vu,
Chim về ổ thốt, vượn ru con chuyền.
Bồng cái sạt, mé triền hùm vọt;
Bật sáng loè, ngọn đuốc ma trời...
Ó vùng dậy; khỉ reo cười;
Trăm yêu ngàn quái nhè người mà trêu!
Thoạt đặng mũi, giá chèo toan đánh,
Lái bạt ngay, phòng tránh cơn nài;
Ủy kìa rấn hổ phùng mang,
Vượt sông nổi sóng, băng ngàn như tên;
Vụt đáy nước, tròng lên cây trụ,
Hắn đây rồi, cá sấu quých đuôi.
Trăm cái sợ cướp cái vui,
Tới đành chẳng tiện, muốn lùi chĩn khôn!
Sởn tóc gáy bồn chồn tắc dạ,
Vững tay chèo, nấn ná hồi lâu...
Vùng trắng như hện hò nhau,
Trời lên mặt biển, dọi vào gằm hang;
Gợn nát bóng, cá vàng dợn nước;
Lá lật sương, chim bạc đeo cành;
Xa trông rừng thẳm khung xanh,
Sông phơi dải lụa trắng tinh một màu!
Rõ muôn tượng như chào lại khách,
Lặng một chiều dường trách lấy nhau...
Cảnh sao biến đổi quá mau,
Rõ hai thế giới trước sau nửa giờ!
Lặng đối cảnh những ngờ mộng寐,
Hoặc là do tâm lý mà ra:
Chột lòng thì mắt phải hoa:
Cảnh nguyên có một, tại ta hai lòng?
Cận triết học rót không lựa chỗ,
Rót vào tai chàng Thổ lại ra...
Tầm u bước đã quá xa,
Canh khuya, sương nặng, vội mà về đi.
Xoàng hơi cúc khì khì cười mãi,
Tóc phát phơ dường chải bóng trắng,

Giữa giòng chiếc lá thung thăng,
Lần dò lối cũ, băng khuâng chạnh niềm:
Gẫm thân thế ba chìm bảy nổi,
Lại phen này lạc lối tới đây.
Một đêm cảnh vội đổi thay,
Rồi ra sao nữa sau này trăm năm!
Ngâm mấy vận tạm làm du ký,
Chép gởi người tri kỷ đường xa.
Người như rõ biết ý ta,
Thì nâng chén rượu mà ca khúc này...

Lời dẫn:

Hai năm 1926-1927 tôi đã ở Sài Gòn. Ở đó không yên thân vì những điều vô lý, có người bạn đưa tôi về ở trong rừng Cà Mau vào khoảng mùa thu năm 1927. Cà Mau là một tỉnh mới, sát biển. Từ đó theo sông chạy tàu một buổi về hướng tây nam, tới chợ Thái Bình. Lại từ Thái Bình đi thuyền một đêm, cũng hướng ấy, đường đất ước chừng trên 30 cây số nữa thì tới chỗ rừng tôi ở. Khu rừng này về phần đất xóm Tân Bình, cũng thuộc làng Thái Bình. Một làng mà rộng như thế là vì đất chưa khai phá hết, trên cạn chưa có đường đi, chỉ do đường thủy. Chỗ tôi ở đó là một cái đồn điền của người bạn, mặt sau thì rừng, mặt trước thì sông, không có đường, không có đường sá chi cả, dù muốn đi bách bộ cũng không có đường. Bên cạnh cái trại đồn điền, có một cái rạch từ rừng chảy ra sông, kêu bằng "rạch Tân Trào"; người ta nói xưa kia vua Gia Long có lần bị quân Tây Sơn đuổi, đã chạy trốn vào đó, cho nên nó mang cái tên ấy.

Tôi ở đó non hai tháng. Hằng ngày chỉ đọc sách, thỉnh thoảng lại nói chuyện với bọn cu-li đồn điền mà thôi. Buồn quá nên mỗi buổi chiều thì thả thuyền mà đi chơi trong sông. Một hôm đi chơi về, có hứng, tôi làm bài này. Trong bài có dùng những chữ chỉ về cảnh vật tại đó, nếu không có chua thì không hiểu, vậy tôi sẽ làm dấu mà chua ở dưới.

Bài này sáng tác vào năm 1930, nhân buồn bực, Phan Khôi cùng người bạn bơi xuồng trên sông Tân Bình thuộc vùng Cà Mau.

Nguồn: *Phụ nữ thời đàm*, số 3, Hà Nội, 1-10-1933, trang 12-13

DÂN QUẠ ĐÌNH CÔNG

Mồng bảy tháng bảy năm Mậu Thân
Chiều lệ bắc cầu qua sông Ngân
Hằng hà vô số cu li quạ
Bay bổng về trời dường trắng quân
Hai bên bờ sông đậu lốc ngốc
Con thì kêu đói, con kêu nhọc
Bỗng nghe lệnh trời truyền khởi công

Nào con đầu cúi, con lưng cong
Thêm thầy Lý Béo đứng coi việc
Đụng đầu đánh đó như bao bông!
Ngán cho cái kiếp làm dân thiệt
Làm có ăn không, chết cho chết
Cản cổ kêu trời, trời chẳng nghe
Một con bay lên đứng diễn thuyết
Hỡi đồng bào nghe tôi nói đây:
Dân quyền mạnh nhất là đời nay,
Việc mà chẳng phải việc công ích
Không ai có phép đem dân đày
Trối kệ Hoàng Ngưu với Chức Nữ
Qua được thời qua không thời chớ?
Quốc dân Ô Thước tội tình chi?
Mà bắt râu bới làm khổ sở
Anh em ta, hè, về quách thôi!
Luôn thể kéo nhau vào cửa trời
Dộng trống dăng vân, âm đế toạ
Ngai vàng bệ ngọc rung rinh rơi
Nghe tin dân QUẠ nổi cách mệnh
Đường sá xa xuôi, việc nặng nề
Phần lũ con thơ ở nhà khóc!
Trời sai thiên lôi ra thám thính
Đầu đen máu đỏ quyết hi sinh!
Ngừng búa thiên lôi không dám đánh.
Năm mây bỗng thấy chiếu trời ra,
Đánh chữ đại xá trời ban tha.
Dân QUẠ ở đâu về ở đó,
Từ nay khỏi bắt cầu Ngân Hà.
Ờ té ra:
Mềm thì ai cũng cắn!
Rắn thì trời cũng nhả.
Hằng hà sa số cu li QUẠ
Bay về hạ giới kêu KHÁ! KHÁ!

Năm 1908, phong trào Duy Tân bị khủng bố trắng, tác giả bị bắt ở Hà Nội, giải về giam ở nhà lao Hội An (Quảng Nam), mãi đến năm 1911 mới được trả tự do. Lúc ấy có phong trào xin râu, ông làm bài thơ ngụ ngôn này. Bài được đăng trên Phụ trương văn chương

của *Đông Pháp thời báo*, Sài Gòn, số 726 ngày 2-6-1928.

Với bài thơ *Dân quạ đình công* và bài thơ *Tình già* (1932), tác giả đã khai sinh trường thơ hiện đại Việt Nam.

Nguồn: Nguyễn Quyết Thắng, *Quảng Nam đất nước và nhân vật*, NXB Văn hoá, Hà Nội, 1996

HẢI PHỐ NGỤC TRUNG DŨ MÍNH DIÊN LƯU BIỆT KỲ 1

海浦獄中與茗園留別其一

人生豈必長相聚，
流落窮愁亦復佳。
送別自由還有限，
獄庭寸步即天涯。

Nhân sinh khởi tất trường tương tụ,
Lưu lạc cùng sầu diệc phục giai.
Tống biệt tự do hoàn hữu hạn,
Ngục đình thốn bộ tức thiên nhai.

Khi đang bị giam ở nhà lao Hải Phố (Hội An), nghe tin bị đưa đày đi Côn Lôn tháng 8-1908 nhưng chưa biết ngày nào, các anh em trong lao làm tiệc rượu tiễn biệt, có tặng món quà và tiễn thi ca, Huỳnh Thúc Kháng cùng các anh em trong tù làm thơ từ biệt nhau. Đây là những bài của Phan Khôi.

Nguồn: Huỳnh Thúc Kháng, *Thi tù tùng thoại*, NXB Nam Cường, Sài Gòn, 1951, tr. 21

HẢI PHỐ NGỤC TRUNG DŨ MÍNH DIÊN LƯU BIỆT KỲ 2

海浦獄中與茗園留別其二

不言此去為蒼生，
只為憂時樹重名。
前路相逢應有淚，
天涯權作一新亭。

Bất ngôn thử khứ vị thương sinh,
Chỉ vị ưu thời thụ trọng danh.
Tiền lộ tương phùng ưng hữu lệ,
Thiên nhai quyền tác nhất Tân Đình.

Nguồn: Huỳnh Thúc Kháng, *Thi tù tùng thoại*, NXB Nam Cường, Sài Gòn, 1951, tr. 21

HẢI PHỐ NGỤC TRUNG DỮ MÍNH DIÊN LƯU BIỆT KỲ 3

海浦獄中與茗園留別其三

去矣諸公何所思,
千秋鴻貉有餘悲。
太平洋外波千頃,
吼入崑崙島上時。

Khứ hĩ chư công hà sở tư,
Thiên thu Hồng Lạc hữu dư bi.
Thái Bình Dương ngoại ba thiên khoảnh,
Hống nhập Côn Lôn đảo thượng thì.

Nguồn: Huỳnh Thúc Kháng, *Thi tù tùng thoại*, NXB Nam Cường, Sài Gòn, 1951, tr. 22

HẢI PHỐ NGỤC TRUNG DỮ MÍNH DIÊN LƯU BIỆT KỲ 4

海浦獄中與茗園留別其四

蘭摧鶴去兩悠悠,
滄海茫茫後死憂。
秣合夢魂無悔恨,
便橫東海看西流。

Lan tòi hạc khứ lưỡng du du,
Thương hải mang mang hậu tử ưu.
Chi hợp mộng hồn vô hối hận,
Tiện hoành Đông hải khán Tây lưu.

Nguồn: Huỳnh Thúc Kháng, *Thi tù tùng thoại*, NXB Nam Cường, Sài Gòn, 1951, tr. 22

HỒNG GAI

Hồng nào hồng chẳng có gai
Miễn đừng là thứ hồng rày không hoa
Là hồng thì phải có hoa
Không hoa chỉ có gai mà ai chơi?

Ta yêu hồng lảm hồng ơi!
Có gai mà cũng có mùi hương thơm.

1951

In trong *Giai phẩm mùa thu*, tập III.

Nguồn: Nguyễn Tấn Long, Nguyễn Hữu Trọng, *Việt Nam thi nhân tiền chiến*, quyển thượng, NXB Sống Mới, 1968

HỚT TÓC

Tuổi già thêm bệnh hoạn
Kháng chiến thấy thừa ta
Mối sầu như tóc bạc
Cứ cắt lại dài ra.

1952

In trong *Giai phẩm mùa thu*, tập III.

Nguồn: Nguyễn Tấn Long, Nguyễn Hữu Trọng, *Việt Nam thi nhân tiền chiến*, quyển thượng, NXB Sống Mới, 1968

MỘT MÌNH ĐÊM GIAO THỪA

Đến ngọn đèn làm bầu bạn cũng không có
Đắp lên thân suy tàn một tấm chăn kép
Chợp mắt mơ là nhằm miếng chua cay
Có vợ con mà sống chia cách
Không sinh kế đành phải ăn nhờ
Nghe tiếng gà mừng vùng dậy
Kháng chiến bốn lần gặp xuân rồi!

NẮNG CHIỀU

Nắng chiều đẹp có đẹp
Tiếc tài gần chạng vạng
Mặc dù gần chạng vạng
Nắng được nắng cứ nắng.

1956

THƠ PHAN KHÔI

Trong những ngày tàn ở Bắc Việt)

Ngừng tim bật óc lạng dòng tình
Tai mắt như không phải của mình
Thấy dưới ánh trăng muôn khúc nhạc
Nghe trong tiếng ếch một màu xanh
Suối tiên mát mẻ bao cho chán
Giấc mộng vờn mơ vẫn chẳng thành
Cái thú vui xưa nào thấy nữa
Ngủ say thức tỉnh dậy buồn tênh.

In trong *Giai phẩm mùa thu*, tập III.

Nguồn: Nguyễn Tấn Long, Nguyễn Hữu Trọng, *Việt Nam thi nhân tiền chiến*, quyển thượng, NXB Sống Mới, 1968

TÌNH GIÀ

Hai mươi bốn năm xưa,
một đêm vừa gió lại vừa mưa,
Dưới ngọn đèn mờ, trong gian nhà nhỏ,
hai cái đầu xanh kề nhau than thở:

- “Ôi đôi ta, tình thương nhau thì vẫn nặng,
mà lấy nhau hẳn đã không đặng:
Để đến nỗi tình trước phụ sau,
chi bằng sớm liệu mà buông nhau!”

- “Hay nói mới bạc làm sao chớ!
buông nhau làm sao cho nỡ?
Thương được chừng nào hay chừng ấy,
chẳng qua ông Trời bắt đôi ta phải vậy!
Ta là nhân ngãi, đâu phải vợ chồng,
mà tính chuyên thuỷ chung!”

*

Hai mươi bốn năm sau,
tình cờ đất khách gặp nhau:
Đôi cái đầu đều bạc. Nếu chẳng quen lung,
đố có nhìn ra được?
Ôn chuyện cũ mà thôi. Liếc đưa nhau đi rồi,
con mắt còn có đuôi.

1932

Bài thơ này đăng trên tờ *Phụ nữ tân văn* số 122 ra ngày 10-3-1932 trong bài viết *Một lối thơ mới trình chánh giữa làng thơ*. Đây là bài thơ khởi xướng đánh dấu sự ra đời của phong trào Thơ mới. Trong bài viết có đoạn “đem thật có trong tâm khảm mình tả ra bằng những câu có vần mà không bó buộc niêm luật gì hết” và tạm gọi là Thơ mới.

Nguồn:

1. *Phụ nữ tân văn*, số 122, ngày 10-3-1932
2. Tuần báo *Phong hoá*, số 31, ngày 24-1-1933
3. Hoài Thanh, Hoài Chân, *Thi nhân Việt Nam 1932-1941*, 1942
4. *Tổng tập văn học Việt Nam* (tập 25), Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia, NXB Khoa học Xã hội, 2000

VIẾNG MỘ ÔNG LÊ CHẤT

Bình Tây trấn Bắc sử nghìn thu,
Áy cỏ mờ rêu đất một u!
Áy dũng ấy trung là thế thế!
Mà ân mà nghĩa ở mô mô!
Chim gào hờn sót xuân âm ỉ;
Hùm thét oai lưu gió vụt vù,
Cái chuyện anh hùng ai gỡ đến,
Hồ Tây còn vắng tiếng chuông bu.

Thực Nghiệp, 1921

Lê Chất (1769-1826) là danh tướng của triều Tây Sơn, sau hàng theo Nguyễn Ánh. Sau khi nhà Nguyễn cầm quyền trong toàn cõi Việt Nam, thì Lê Chất được cử làm trấn thủ Bắc

Hà. Sau vua Minh Mạng nghe lời gièm pha của bọn gian thần, kết án “bất trung bất chính, đại ác đại gian” và xử lăng trì. Song lúc kết án thì Lê Chất đã chết rồi, triều thần đình nghị nên “bổ áo quan lục thân, khiêu thủ để thị giới”. Vua Minh Mạng giảm việc quật mả, giết thân mà chỉ san bằng mộ và khắc bia dựng lên trên với những hàng chữ lớn “Chỗ này là nơi Lê Chất phục pháp”. Chỗ ấy nay gần vườn Bách Thú, Hà Nội. Người đời sau thương tình đắp một nấm nhỏ, lâu ngày đã “áy cỏ mờ rêu”.

Nguồn: Quách Tấn, *Hương vườn cũ*, NXB Hội nhà văn, 2007

XUÂN ÁNG TỨC CẢNH KỲ 1

春盎即景其一

青山三面斷還連，
中有山村雜水田。
樸野民風存古誼，
盈餘穀食屢豐年。
竹筒負水攀層磴，
飯裹驅黎趁曉烟。
獨對翠微傲猿鳥，
偶因避地得林泉。

Thanh sơn tam diện đoạn hoàn liên,
Trung hữu sơn thôn tạp thủy điền.
Phác dã dân phong tồn cổ nghị,
Doanh dư cốc thực lữ phong niên.
Trúc đồng phụ thủy phan tầng đặng,
Phạn khoả khu lê sấn hiếu yên.
Độc đối **thúy vi** ngạo viên điểu,
Ngẫu nhân **tỵ địa** đắc lâm tuyền.

Xuân Áng: tên làng ở miền Bắc, nơi Phan Khôi tản cư thời kháng chiến, song không rõ thuộc tỉnh nào.

Nguồn: Đông Xuyên, *Tuyển tập thơ Hán - Việt*, NXB Cỏ thơm, 1975

Bản dịch của [Đông Xuyên](#)

Ba mặt non xanh đứt lại liền,
Giữa là xóm núi, ruộng đồng chen.

Thật thà quen thói, dân theo cổ,
Thừa thãi hằng năm, lúa được rên.
Khói sớm, đùm cơm, trâu đuổi tới...
Đá tảng, ống trúc, nước đeo lên...
Rừng xanh lánh nạn, đũa chim vượn,
Cái thú lâm tuyền được ngẫu nhiên!



Bản dịch của [Đất Văn Lang](#)

Chập chùng núi biếc vòng ba phía
Xóm núi chen mình ruộng sắp thu
Tục cổ lưu truyền, dân chất phác
Mùa vàng gánh nặng, thóc thừa dư
Guồng tre cõng nước leo thềm đá
Cơm nắm lửa trâu đuổi sớm mù
Lánh nạn nghe rừng chim vượn hát
Lâm tuyền thưởng ngoạn, sướng làm ru!



Bản dịch của [Lương Trọng Nhàn](#)

Non xanh ba mặt dứt rồi liền,
Xóm núi giữa non, đồng ruộng liền.
Quen thói thật thà dân giữ cổ,
Dư thừa no đủ, lúa mùa hên.
Đá tảng, ống trúc, đeo bên nước,
Khói sớm, đùm cơm, trâu đuổi bên.

Lánh nạn rừng xanh, chim vượn hót,
Lâm tuyền thú ấy hưởng đương nhiên!

XUÂN ÁNG TỨC CẢNH KỲ 2

春盎即景其二

蒼碧盈盈望不窮，
禾麻成隴樹成叢。
礦泉青障流間白，
林火黃昏分外紅。
耕罷村翁鋤荷月，
浴歸少婦髮梳風。
羣山俯揖如邀客，
便欲攜家老此中。

Thương bích doanh doanh vọng bất cùng,
Hoà ma thành lũng thụ thành tùng.
Khoáng tuyền thanh chướng lưu gian bạch,
Lâm hoả hoàng hôn phận ngoại hồng.
Canh bãi thôn ông sừ hạ nguyệt,
Dục quy thiếu phụ phát sơ phong.
Quần sơn phủ ấp như yêu khách,
Tiện dục huê gia lão thử trung.

Nguồn: Đông Xuyên, *Tuyển tập thơ Hán - Việt*, NXB Cảo thơm, 1975

bản dịch của Đông Xuyên

Biếc biếc, xanh xanh, vun vút xa...
Lùm cây, nương lá ngó bao la!
Chiều vàng, lửa đỏ ven rừng đốt,
Đập biếc, làn trong suối mở pha
Tóc gió tắm về, hong mụ trẻ,
Bữa trắng cày đoạn, vác ông già.
Lom khom dãy núi như mời khách
Muốn dọn nhà lên... sống tuổi già!!

Bản dịch của Đất Văn Lang

Ngan ngát trời xanh nhìn ngút mắt
Lùm cây, ruộng lúa nổi nương vùng
Suối tuôn nước bạc che cành lá
Chiều xuống rừng xanh rực lửa rừng
Việc dứt trăng soi cày lão vắc
Sông về gió thổi tóc nàng tung
Núi nghiêng mình lễ như mời khách
Muốn gọi cả nhà tới sống chung

Bản dịch của [Lương Trọng Nhân](#)

Xanh xanh biêng biếc, nhìn mờ qua,
Ruộng lúa lùm cây, ngóng mút xa!
Suối khoáng, lấp che trong nước bạc,
Lửa rừng chiều tối, đốt hồng ra,
Bờ trăng cày đoạ, ông già vắc.
Thiếu phụ tóc bay tắm về nhà,
Dãy núi nghiêng mình như đón khách
Muốn đưa nhà sống tuổi về già!

Nguồn: https://www.thivien.net/Phan-Kh%C3%B4i/author-tgqd0ci_mcXuakVjLSEWmg

www.vietnamvanhien.org

